

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2017

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Giang

2. Bà Ông Thanh Bạch

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 8 và ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Nguyễn Phương Th, sinh năm: 19 (có mặt)

Địa chỉ: Số, đường Trương Công Đ, Khóm, Phường, thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Ong Quân Ng, sinh năm: 19 (có mặt)

Địa chỉ: Số, đường Mạc Đĩnh Ch, Khóm, Phường, thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Nguyễn Phương Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Ng được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2012 và đăng ký kết hôn tại UBND phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Trong thời kỳ hôn nhân anh chị sống chung hạnh phúc được một thời gian, năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 10 năm 2014 vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn trầm trọng, vì tính tình vợ chồng không còn phù hợp với nhau, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa với nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 02/2017 vợ chồng đã sống riêng, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng nên chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng

- Về con chung: Vợ chồng có một người con tên Ong Uyên Ng , sinh ngày 11/4/20 , hiện nay do chị Th đang nuôi dưỡng. Cho nên, sau khi ly hôn với anh Ng chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung. Do đó, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có vay tiền của ông Nguyễn Trường Đ 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hồng L 05 chỉ vàng, bà Vương Thị Thanh Tr 22.000.000 đồng; anh Ng khai có mượn của ông Nguyễn Hoàng Tr 35.000.000 đồng, ông Lư Ngọc T 50.000.000 đồng, ông Võ Văn B 15.000.000 đồng. Do các chủ nợ không yêu cầu trả nợ, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 22 tháng 6 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Ong Quân Ng trình bày: Anh Ng thống nhất với lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh về sống chung với gia đình bên vợ, anh sống không vừa lòng mẹ vợ, hoàn cảnh gia đình anh khó khăn nên muốn ra ngoài làm ăn để kiếm tiền nhưng làm phát sinh nợ, từ đó mà vợ chồng thường có lời qua tiếng lại và cãi vã với nhau. Anh Ng vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị Th . Về con chung anh cũng đồng ý giao cho chị Th nuôi dưỡng, về nợ chung giữa anh và các chủ nợ có thỏa thuận với nhau để anh trả hàng tháng và các chủ nợ đã đồng ý nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Th và anh Ng là vợ chồng trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Ng và yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Ng có địa chỉ thường trú tại thành phố Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Ng kết hôn vào năm 2012, anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Th và anh Ng đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị Th xin ly hôn với anh Ng : Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Th và anh Ng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2013, đến tháng 10/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của chị Th và anh Ng , là do vợ chồng sau khi về sống chung với nhau do tính tình không còn phù hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm kinh tế nên thường xuyên cự cãi và bất hòa với nhau. Mâu thuẫn ngày càng nhiều dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2017. Từ những phân tích trên cho thấy thực trạng mâu thuẫn giữa chị Th và anh Ng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; hiện nay chị Th và anh Ng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th .

[5] Về con chung: Chị Th và anh Ng có một người con tên Ong Uyển Ng , sinh ngày 11/4/20 , hiện nay do chị Th đang nuôi dưỡng. Nhận thấy, con từ trước đến nay đều do chị Th chăm sóc nuôi dưỡng và hiện nay cháu Ng về tâm sinh lý phát triển bình thường, được đi học, được chị Th chăm lo đầy đủ về các điều kiện sinh hoạt hàng ngày và anh Ng cũng đồng ý giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xuất phát từ mọi lợi ích của cháu Nghi, căn cứ vào Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình cần phải giao cháu Ng cho chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng con, chị Th không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị Th và anh Ng trình bày vợ chồng không có tài

sản chung và cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có vay tiền của ông Nguyễn Trường Đ 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hồng L 05 chỉ vàng, bà Vương Thị Thanh Tr 22.000.000 đồng; ông Nguyễn Hoàng Tr 35.000.000 đồng, ông Lư Ngọc T 50.000.000 đồng, ông Võ Văn B 15.000.000 đồng. Do các chủ nợ có tờ tường trình là không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Th , anh Ng trả nợ trong cùng vụ án hôn nhân mà để các bên tự thỏa thuận với nhau, cho nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết về các khoản nợ của chị Th , anh Ng khi ly hôn.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị Th phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nguyễn Phương Th , sinh năm 19 được ly hôn với anh Ông Quân Ng , sinh năm 19 .

2. Về con chung: Sau khi chị Th ly hôn với anh Ng , con chung tên Ông Uyên Ng , sinh ngày 11/4/20 , giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ng không có cấp dưỡng cho cháu Ng .

Anh Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Ng , không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không có xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không có xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Nguyễn Phương Th phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 000 ngày 08/5/20 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; chị Th đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND -TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- TAND - TST;
- UBND phường 8, TPST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Thanh Bình